

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Số: *351* /CBTT-ĐSHH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải

Mã Chứng khoán: HHR

Địa chỉ trụ sở chính: Số 481/73 đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04. 3873 0146

Fax: 04. 3873 0146

Người được ủy quyền Công bố thông tin: Ông Nguyễn Quốc Vượng

Chức vụ: Giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

- Công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải (Tài liệu đính kèm)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/4/2019 tại đường dẫn <http://duongsathahai.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TCHC.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Quốc Vượng

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI NĂM 2018**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**
- Tên giao dịch quốc tế: **HA HAI RAILWAYS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100769656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/12/2010 và thay đổi lần thứ 3 ngày 07/01/2016.
- Vốn điều lệ: 13.800.000.000 đồng (mười ba tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 13.800.000.000 đồng (mười ba tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)
- Địa chỉ: Ngách 481/73, đường Ngọc Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: 04 3873.0146; Fax: 04 3873.0146
- Website: <http://www.duongstathai.vn>
- Mã chứng khoán: HHR

Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải tiền thân là Đoạn công vụ Hà Hải trực thuộc Tổng cục đường sắt (nay là Tổng Công ty đường sắt Việt Nam) được thành lập tháng 8 năm 1945.

Từ sau 30/4/1975, đất nước hoàn toàn giải phóng bắt đầu việc khai thác Đường sắt Bắc – Nam, Tổng cục đường sắt quyết định đổi tên Đoạn công vụ thành Đoạn cầu đường Hà Hải.

- Tháng 01 năm 1986, theo Quyết định số 21/QĐ-TCCB ngày 06/01/1986 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải giao thêm nhiệm vụ quản lý cầu Long Biên cho Đoạn cầu đường Hà Hải đồng thời giải thể Xí nghiệp cầu Long Biên, lúc này Đoạn cầu đường Hà Hải đổi tên thành Xí nghiệp đường sắt Hà Hải, trực thuộc Tổng cục đường sắt.

- Ngày 17/4/1998, Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành Quyết định số 866/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công

ích. Xí nghiệp đường sắt Hà Hải được đổi tên thành Xí nghiệp quản lý Đường sắt Hà Hải, trực thuộc Liên hiệp Đường sắt Việt Nam.

- Năm 2003, Chính phủ quyết định chuyển đổi Liên hiệp Đường sắt Việt Nam thành Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, các Xí nghiệp quản lý đường sắt đổi tên thành các Công ty quản lý đường sắt do đó từ tháng 7/2003, Xí nghiệp quản lý đường sắt Hà Hải được đổi tên thành Công ty quản lý đường sắt Hà Hải, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Ngày 24/9/2010 Hội đồng thành viên Đường sắt Việt Nam có Quyết định số 1200/QĐ-ĐS về việc chuyển Công ty quản lý Đường sắt Hà Hải thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quản lý Đường sắt Hà Hải.

- Ngày 30/10/2015, Bộ giao thông vận tải có Quyết định số 3908/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Hà Hải thuộc Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

- Ngày 29/12/2015, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, thành lập Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải. Với số cổ đông là: 751 cổ đông.

- Ngày 07/01/2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100769656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 01 năm 2016.

- Ngày 20/10/2016 Công ty đã chốt danh sách là 375 cổ đông để tham gia giao dịch trên sàn UpCom - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 08/02/2017 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định 87/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom và Thông báo số 172/TB-SGDHN ngày 10/02/2017 về việc chính thức ngày giao dịch đầu tiên của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải là ngày 17/02/2017.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;

- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;

- Xây dựng nhà các loại;

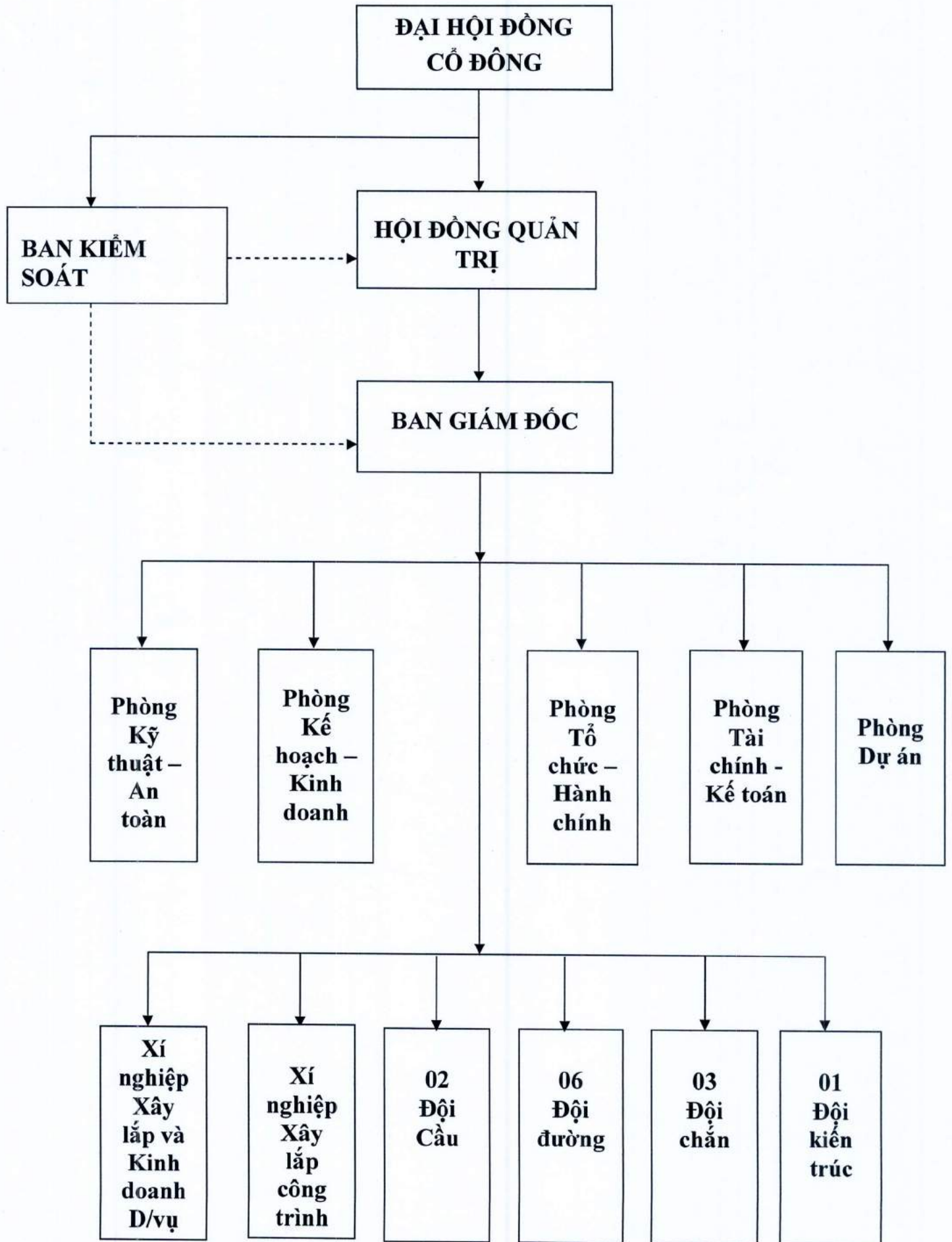
- Lắp đặt hệ thống điện;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;

+ Địa bàn kinh doanh: Trong nước

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.



4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải thành một doanh nghiệp có thương hiệu trong ngành đường sắt và Bộ Giao thông vận tải. Với mục tiêu xuyên suốt “An toàn-Chất lượng-Tiến độ-Hiệu quả”. Doanh thu tăng trưởng từ 4% trở lên, lợi nhuận tăng trưởng từ 50% trở lên.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Định hướng chung: phát huy ngành nghề truyền thống và từng bước tăng trưởng, vững chắc; từng bước đổi mới công nghệ thi công, trang thiết bị tiên tiến, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh ngày càng cao, đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hoá doanh nghiệp;

+ Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt. Thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc;

+ Ngoài lĩnh vực truyền thống là Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông đường sắt, Công ty mở rộng thị trường sang các lĩnh vực: đường bộ, dân dụng, công nghiệp....

+ Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đẩy mạnh công tác thu hồi vốn, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động;

+ Chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư. Thực hiện công tác tài chính công khai, minh bạch và rõ ràng, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn Công ty;

+ Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với công ty cổ phần như quy chế quản lý tài chính, quản lý các hợp đồng kinh tế ... đảm bảo tính chủ động, nâng cao trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên trong Công ty với nhiệm vụ, trách nhiệm được giao, gắn kết quyền lợi và trách nhiệm cho từng cán bộ công nhân viên.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

+ Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường;

+ Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Tích cực hưởng ứng, tham gia, tuyên truyền các đợt phát động về bảo vệ môi trường của ngành cũng như của địa phương;

+ Tiếp tục tìm kiếm công ăn việc làm để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các địa phương mà Công ty có đơn vị đóng quân để đảm bảo tốt công tác An toàn chạy tàu, An ninh chính trị và trật tự xã hội.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

- Đảm bảo tuyệt đối ATCT, PCCN, ANTT trong phạm vi toàn công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người do chủ quan gây ra. Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng trên các tuyến ĐS, phối hợp hiệu quả với các địa phương trong công tác giữ vững hành lang ATGTĐS.

- Hoàn thành 100% kế hoạch SXKD trong và ngoài công ích nên tạo được nhiều công ăn việc làm, đời sống người lao động được nâng lên rõ rệt.

- Triển khai có bài bản công tác sửa chữa, chống xóc lắc: vì vậy số điểm sai quý sau giảm hơn quý trước, số điểm xóc lắc bình quân 4 tuyến năm 2018 giảm được 73,14 điểm so với năm 2017, đạt tỷ lệ giảm 40,4%.

- Đảm bảo an toàn tài chính; Trả lương qua thẻ ATM cho cán bộ, người lao động từ lương thanh toán tháng 8/2018. Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước: nộp thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp, BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động.

- Trong năm, Công ty đã hoàn thiện, sửa đổi: 03 quy chế, xây dựng mới: 01 quy chế, quy định theo mô hình Công ty cổ phần, góp phần tốt hơn cho công tác quản trị của công ty.

- Đề ra nhiều giải pháp để giữ và thu hút lao động đảm bảo tương đối bình ổn lao động, đặc biệt là khu vực Hà Nội.

- Hoàn thành mua sắm các máy móc thiết bị theo kế hoạch được HĐQT công ty phê duyệt

1.2. Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (NQĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu:	175.005.000	179.486.895	102,6%
	Trong đó:			
	- Sản phẩm công ích	127.221.000	130.678.623	102,7%
	- Sản xuất kinh doanh khác	47.784.000	48.808.272	102,1%
2	Tổng chi phí	172.542.500	176.595.239	102,3%
3	Vốn điều lệ	13.800.000	13.800.000	100,0%
4	Lợi nhuận trước thuế	2.462.500	2.891.657	117,4%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	492.500	852.853	173,2%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.970.000	2.038.804	103,5%

7	Tỷ suất lợi nhuận TT/Vốn điều lệ	17,84%	20,95%	117,4%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế	1.970.000	2.038.804	103,5%
	Chia cổ tức	1.186.800	1.228.200	103,5%
	Quỹ đầu tư phát triển	334.200	346.000	103,5%
	Quỹ thưởng người QL DN	55.000	57.000	103,6%
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	394.000	407.604	103,5%
9	Tỉ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	8,60%	8,90%	103,5%
10	Tổng số lao động bình quân	1.010	950	94,1%
12	Thu nhập bình quân tháng	7.352	7.407	100,7%

1.3. Về thực hiện tiền lương, thù lao năm 2018

- Người lao động thực tế sử dụng bình quân: 943 người. Người quản lý chuyên trách: 7 người.

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động (không bao gồm tiền ăn giữa ca): 74.542.900.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người lao động: 6.587.400 đồng/người/tháng (bằng 103,7% so với mức tiền lương kế hoạch 2018 thấp hơn mức tăng năng suất lao động).

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện người quản lý chuyên trách: 1.593.600.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 20.930.000 đồng/người/tháng (bằng 83,6% mức tiền lương kế hoạch 2018), mức tiền lương bình quân người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 18.187.000 đồng/người/tháng (bằng 83,5% mức tiền lương kế hoạch 2018).

Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách: 26.400.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân: 550.000 đồng/người/tháng (bằng 100% mức thù lao kế hoạch).

1.4. Thu nhập bình quân năm 2018 là: 7,407 triệu đồng/người/tháng, tăng 10,8% so với năm 2017 và tăng 0,7% so với kế hoạch, trong đó:

Đơn vị tính: 1000 đ/người/tháng

TT	Chức danh	Thu nhập bình quân		Tỷ lệ % 2018/2017
		Năm 2017	Năm 2018	
1	Lao động gián tiếp	8.190	8.540	104,2%
2	Lao động trực tiếp SX	6.496	7.236	111,4%
	Bình quân	6.684	7.407	110,8%

1.5. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

- Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán BDO là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính và đã được Tổng công ty ĐSVN chấp thuận tại văn bản số 3653/ĐS-KSNB ngày 02/11/2018.

- Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

Đánh giá chung:

Năm 2018, mặc dù có rất nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty đã điều hành tốt các hoạt động SXKD, nên tất cả các chỉ tiêu SXKD đều đạt và vượt kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra:

- Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

- Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

- Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

- Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

- Về công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định.

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Giá trị sản lượng và doanh thu năm sau cao hơn năm trước, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, đời sống người lao động ngày một được nâng cao; quản lý chi phí chặt chẽ nên SXKD đạt hiệu quả cao, vượt mức lợi nhuận kế hoạch, tăng tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông.

2. Tổ chức nhân sự.

2.1. Danh sách ban điều hành Công ty:

2.1.1. Ông Nguyễn Quốc Vượng

- Chức vụ: Giám đốc, Thành viên HĐQT

- Sinh năm: 1974

- Quê quán: Bắc Ninh

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng cầu đường, Cử nhân luật

- Số cổ phần sở hữu: 109.274 cổ phiếu

- Số cổ phần sở hữu đại diện cho Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: 351.900 cổ

phiếu.

2.1.2. Ông Nguyễn Quang Long

- Chức vụ: Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT
- Sinh năm: 1978
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường
- Số cổ phần sở hữu: 79.060 cổ phiếu

2.1.3. Ông Nguyễn Như Điền

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Sinh năm: 1965
- Quê quán: Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt
- Số cổ phần sở hữu: 2.090 cổ phiếu.

2.1.4. Ông Nguyễn Hoài Trung

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Sinh năm: 1966
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng đường sắt
- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phiếu.

2.1.5. Ông Hoàng Đức Tài

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Sinh năm: 1970
- Quê quán: Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần sở hữu: 16.395 cổ phiếu.

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Lao động bình quân năm 2018 là 950 người.
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Trong năm 2018 Công đã tích cực tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ để mở thêm các thị trường mới, tìm kiếm những công trình phù hợp với khả năng. Từ đó người lao động được trả lương xứng đáng với năng lực của mình. Cụ thể thu nhập bình quân năm 2018 là: 7,407 triệu đồng/người/tháng, tăng 10,8% so với năm 2017.

Nhân kỷ niệm những ngày lễ lớn, ngày truyền thống của ngành, ngày truyền thống của Công ty, Công ty đã trích quỹ phúc lợi, khen thưởng, quỹ lương dự phòng để chi trả động viên khuyến khích cho người lao động trong toàn Công ty, đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: Tham gia thi đấu bóng đá, bóng bàn khu vực Lạc Đạo, Cẩm Giàng Hải Dương, Hà Nội. Tổ chức tham quan, nghỉ mát hè năm 2018 cho cán bộ, nhân viên.

Tham gia Hội thao, thi đấu bóng bàn, cầu lông "Cụm Văn hóa - Thể thao Hà Nội 3".

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

Giữa hai kỳ đại hội, Công ty đã thực hiện đầu tư dự án Mua sắm máy móc thiết bị năm 2018 phục vụ sản xuất của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải, sau khi được Tổng công ty ĐSVN đồng ý cho phép đầu tư tại Văn bản số 2503/ĐS-QLHT ngày 06/8/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên thiết bị	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Tiến độ thực hiện
	Dự án: Mua sắm máy móc thiết bị năm 2018 phục vụ sản xuất của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải gồm: 03 bộ máy chèn đường, 02 máy khoan ray, 04 máy cưa ray	1.238,026	1.231,880	Tháng 9/2018 đến tháng 01/2019
	Tổng cộng	1.238,026	1.231,880	

- Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm 2017	Năm 2018	(%) tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	Đồng	72.875.724.960	73.348.896.985	100,65
Doanh thu thuần	Đồng	160.066.771.710	179.085.686.671	111,88
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	2.205.930.747	4.213.287.111	191,00
Lợi nhuận khác	Đồng	-109.819.841	-1.321.630.593	1203,45
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.096.110.906	2.891.656.518	137,95
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.654.172.939	2.038.804.008	123,25
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(%)	8,391	8,900	102,49

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị: VN đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	(%) tăng, giảm
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1.147	1.147	100,01
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	0,969	1.041	107,42
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			

+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,803	0,800	99,59
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	4.083	4.000	97,95
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2.196	2.442	111,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,010	0,011	106,45
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,115	0,139	120,86
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,023	0,028	121,74
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/ Doanh thu thuần	0,014	0,024	171,42

- Công ty không có nợ xấu và các tài sản xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

- Công ty không có biến động lớn về nợ phải trả và không có các ảnh hưởng về chênh lệch tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 1.380.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.380.000 cổ phần.
- Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 (không) cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông: (Tại thời điểm 04/3/2019)

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước			
	Tổ chức	01	703.800	51%
	Cá nhân	374	676.200	49%
	Cổ đông lớn	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài			
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	TỔNG CỘNG	375	1.380.000	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018, Công ty không có sự kiện phát sinh nào làm thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là: Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, nên công ty hầu như không sản xuất ra các thành phẩm mà chỉ sử dụng các thành phẩm của đơn vị khác đã chế tạo để lắp đặt vào hệ thống đường sắt quốc gia.

Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái sử dụng: 20%

6.2. Tiêu thụ năng lượng, nước:

Tiêu thụ điện, nước: Công ty đã tổ chức khảo sát thực tế, xây dựng định mức để khoán mức sử dụng điện, nước cho các đơn vị trong toàn công ty, tiết kiệm triệt để lượng điện, nước tiêu thụ.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết bảo vệ môi trường, kiểm soát không để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động:

6.4.1. Số lượng lao động, mức lương bình quân

Số TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng %
I	Theo trình độ lao động	950	100%
1	Trên đại học	4	0,4%
2	Đại học	140	14,7%
3	Cao đẳng	17	1,8%
4	Trung cấp	24	2,5%
5	Khác	765	80,5%
II	Theo giới tính	950	100%
1	Nam	514	54,1%
2	Nữ	436	45,9%

Mức lương bình quân:

Trong năm 2018 Công đã tích cực tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ để mở thêm các thị trường mới, tìm kiếm những công trình phù hợp với khả năng. Từ đó người lao động được trả lương xứng đáng với năng lực của mình. Cụ thể thu nhập bình quân năm 2018 là: 7,407 triệu đồng/người/tháng, tăng 10,8% so với năm 2017.

6.4.1. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả người lao động trong công ty.
- Công ty trang bị các thiết bị an toàn, bảo hộ lao động theo chức danh, ngành nghề quy định.

Tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát hè 2018.

6.4.2. Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty tổ chức học quy trình quy phạm, an toàn bảo hộ lao động cho người lao động có liên quan trực tiếp đến chạy tàu trong toàn công ty: 2 lần/năm

- Cử các bộ quản lý tham gia các lớp học quản lý, cập nhật kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trong năm 2018 Công ty đã tổ chức cho 8 người tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ.

- Tổ chức cho người lao động học tập, ôn luyện, nâng cao trình độ, tay nghề hàng năm, thi nâng bậc lương cho công nhân trực tiếp sản xuất: 114 người; Nâng bậc lương cho lao động gián tiếp: 08 người.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.

Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD năm 2018.

1.1. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam; tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty luôn đoàn kết, chủ động, quyết tâm đổi mới xây dựng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo an toàn chạy tàu, giữ vững công lệnh tốc độ và tải trọng, hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý bảo trì KCHTĐS quốc gia, đồng thời phát triển các dịch vụ ngoài công ích góp phần hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu SXKD do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đề ra.

- Bộ máy tổ chức được sắp xếp lại, tinh gọn, tinh giảm định biên lao động: lao động bình quân năm 2018 là 950 người, giảm 65 người so với năm 2017 đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1.2. Khó khăn:

- Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp, đầu mối của 04 tuyến đường sắt, quản lý cả đường đơn và đường lồng. Kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) trong phạm vi quản lý của Công ty còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn; nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế cấp chỉ đủ để duy trì trạng thái kỹ thuật KCHTĐS hiện có, chất lượng cầu, đường chưa cải thiện được nhiều, ít được đầu tư sửa chữa lớn.

- Lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến các chi phí cho người lao động như tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng gây khó khăn cho việc cân đối thu chi của Công ty.

- Thu nhập của người lao động tuy đã được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước, nhưng vẫn thấp so với mặt bằng chung của xã hội, hơn nữa công việc nặng nhọc, phần lớn là thủ công dẫn đến người lao động ở các thành phố Hà Nội, Hải Phòng đơn phương chấm dứt hợp đồng nhiều.

- An toàn giao thông đường sắt luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xâm lấn, mật độ đường ngang và đường dân sinh qua đường sắt nhiều gây khó khăn cho việc quản lý và duy tu, bảo trì KCHT đường sắt.

- Thiếu lao động cục bộ tại các thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, nhưng tổng số lao động toàn Công ty còn cao (đặc biệt là lực lượng gác chắn đường ngang do đã

thù Công ty có nhiều đường ngang), lực lượng nhân sự trình độ cao còn thiếu, chưa có kinh nghiệm thi công các công trình lớn.

- Kinh nghiệm, năng lực của Công ty còn yếu, năng suất lao động thấp, chưa có điều kiện đầu tư nhiều máy móc thiết bị, cơ giới hóa thi công, chưa có thương hiệu trong khi phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm việc làm luôn là một thách thức lớn.

2. Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018.

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Đảm bảo tuyệt đối ATCT, PCCN, ANTT trong phạm vi toàn công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người do chủ quan gây ra. Giữ vững công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng trên các tuyến ĐS, phối hợp hiệu quả với các địa phương trong công tác giữ vững hành lang ATGTĐS.

- Hoàn thành 100% kế hoạch SXKD trong và ngoài công ích nên tạo được nhiều công ăn việc làm, đời sống người lao động được nâng lên rõ rệt.

- Triển khai có bài bản công tác sửa chữa, chống xóc lắc: vì vậy số điểm sai quý sau giảm hơn quý trước, số điểm xóc lắc bình quân 4 tuyến năm 2018 giảm được 73,14 điểm so với năm 2017, đạt tỷ lệ giảm 40,4% .

- Đảm bảo an toàn tài chính; Trả lương qua thẻ ATM cho cán bộ, người lao động từ lương thanh toán tháng 8/2018. Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước: nộp thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp, BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động.

- Trong năm, Công ty đã hoàn thiện, sửa đổi: 03 quy chế, xây dựng mới: 01 quy chế, quy định theo mô hình Công ty cổ phần, góp phần tốt hơn cho công tác quản trị của công ty.

- Đề ra nhiều giải pháp để giữ và thu hút lao động đảm bảo tương đối bình ổn lao động, đặc biệt là khu vực Hà Nội.

- Hoàn thành mua sắm các máy móc thiết bị theo kế hoạch được HĐQT công ty phê duyệt

2.2. Các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Danh mục, chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (NQĐHĐCĐ)	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % KH/TH
1	Doanh thu:	175.005.000	179.486.895	102,6%
	Trong đó:			
	- Sản phẩm công ích	127.221.000	130.678.623	102,7%
	- Sản xuất kinh doanh khác	47.784.000	48.808.272	102,1%
2	Tổng chi phí	172.542.500	176.595.239	102,3%
3	Vốn điều lệ	13.800.000	13.800.000	100,0%
4	Lợi nhuận trước thuế	2.462.500	2.891.657	117,4%

5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	492.500	852.853	173,2%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.970.000	2.038.804	103,5%
7	Tỷ suất lợi nhuận TT/Vốn điều lệ	17,84%	20,95%	117,4%
8	Phân chia lợi nhuận sau thuế	1.970.000	2.038.804	103,5%
	Chia cổ tức	1.186.800	1.228.200	103,5%
	Quỹ đầu tư phát triển	334.200	346.000	103,5%
	Quỹ thưởng người QL DN	55.000	57.000	103,6%
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	394.000	407.604	103,5%
9	Tỉ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	8,60%	8,90%	103,5%
10	Tổng số lao động bình quân	1.010	950	94,1%
12	Thu nhập bình quân tháng	7.352	7.407	100,7%

2.3. Đánh giá những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2018, mặc dù có rất nhiều khó khăn nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty đã điều hành tốt các hoạt động SXKD, nên tất cả các chỉ tiêu SXKD đều đạt và vượt kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra:

- Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

- Về mặt tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

- Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công xứng đáng với năng lực công việc và các chế độ khác theo qui định; được thanh toán kịp thời và đầy đủ mọi chế độ.

- Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích, đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả.

- Về công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định.

- Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Giá trị sản lượng và doanh thu năm sau cao hơn năm trước, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, đời sống người lao động ngày một được nâng cao; quản lý chi phí chặt chẽ nên SXKD đạt hiệu quả cao, vượt mức lợi nhuận kế hoạch, tăng tỷ lệ chi trả cổ tức cho các cổ đông.

3. Tình hình tài chính.

Công ty luôn thực hiện tốt công tác Tài chính kế toán theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính của Tổng Công ty. Luôn chú trọng công tác

khác về công tác tài chính kế toán của Nhà nước. Nên tình hình tài sản luôn được sử dụng có hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn. Theo dõi chặt chẽ các khoản nợ phải thu, có biện pháp cụ thể đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, sử dụng hiệu quả vốn lưu động. Thường xuyên rà soát, phân loại, đánh giá tài sản hỏng, không có nhu cầu sử dụng, lạc hậu về kỹ thuật và không có khả năng sinh lời để có biện pháp xử lý phù hợp. Do đó công ty đã không có các khoản nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Công tác sắp xếp các đơn vị:

+ Thực hiện sắp xếp lại lực lượng lao động gác chặn đường ngang theo Thông tư 21/2015/TT-BGTVT ngày 05/6/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc có tính chất đặc biệt trong vận tải đường sắt và Quyết định số 1107 /QĐ-ĐS ngày 29/8/2017 của Tổng công ty ĐSVN về phương án bố trí đội hình và chế độ ban làm việc đối với nhân viên gác chặn đường ngang thuộc Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải; Quyết định số 1604 /QĐ-ĐS ngày 25/9/2018 của Tổng công ty ĐSVN về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1107 /QĐ-ĐS ngày 29/8/2017 của Tổng công ty ĐSVN về phương án bố trí đội hình và chế độ ban làm việc đối với nhân viên gác chặn đường ngang thuộc Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải.

+ Sắp xếp, điều động lao động các đơn vị cho phù hợp với nhiệm vụ được giao;

+ Giảm lao động bình quân từ 1.015 người năm 2017 xuống còn 950 người năm 2018 và hiện này chỉ còn 941 người.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng liên tục, bình quân hàng năm sản lượng và doanh thu tăng từ 4% trở lên, tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ từ 13% trở lên, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước; cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tăng 5% trở lên, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông. Toàn Công ty thực hiện phương châm kinh doanh theo tiêu chí **“An toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả”**

Phát huy những kết quả đã đạt được, CB, người lao động Công ty tiếp tục đẩy mạnh mục tiêu phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá về hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 .

- Năm 2018 là năm thứ ba Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, nên công ty vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng HĐQT đã lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

- An toàn chạy tàu và trật tự an ninh quốc phòng cơ bản giữ vững, đời sống người lao động cơ bản được đảm bảo, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

- Công tác quản lý điều hành có nhiều tiến bộ, khoa học hơn; phát huy trí tuệ tập thể, đảm bảo tinh tập trung thống nhất. Việc xây dựng cơ chế, quy chế được chú trọng đặc biệt khi thay đổi về mô hình tổ chức của Công ty.

- Tuy nhiên KCHTĐS trong phạm vi quản lý không có chuyển biến nhiều, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn; nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế chỉ đủ để duy trì trạng thái kỹ thuật KCHTĐS hiện có. Việc tìm kiếm công việc ngoài sản phẩm công ích rất khó khăn. Tổng số lao động toàn Công ty còn nhiều nhưng phân bổ không đều nên khu vực Hà Nội vẫn thiếu lao động, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, năng suất lao động thấp. Tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh chưa được phát huy nên một số lĩnh vực chưa có nhiều chuyển biến.

2. Đánh giá về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ của Công ty và các Văn bản quy phạm pháp luật, HĐQT đã có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và các thành viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, cụ thể như sau:

2.1. Về công tác tái cơ cấu, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp:

- Thành lập Trung tâm giám sát đường ngang thuộc bộ phận phòng TCHC.
- Giảm lao động bình quân xuống còn 950 người trong năm 2018 giảm 65 người so với năm 2017.

- Năm 2018 Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

2.2. Kết quả thực hiện hệ thống quản trị doanh nghiệp:

2.2.1. Tổ chức các cuộc họp HĐQT.

Năm 2018 HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, ban hành 09 Nghị quyết và các Kết luận thống nhất của cuộc họp. Về cơ bản các Nghị quyết và Kết luận của HĐQT đã được thực hiện nghiêm túc.

2.2.2. Về các Quy chế, Quy định, Quy trình.

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế quản lý, rà soát sửa đổi và bổ sung hệ thống văn bản cho phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới.

- Đã sửa đổi: 03 Quy chế; xây dựng mới: 01 Quy chế.

2.2.3. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Trong năm 2018 Công ty đã tổ chức cho 88 người tham gia 23 các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ...

- Tổ chức thi nâng cấp bậc công nhân kỹ thuật năm 2018 cho 315 công nhân và làm thủ tục nâng lương cho 65 gián tiếp.

- Đã xây dựng quy hoạch các cấp làm cơ sở cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, làm tốt công tác bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ theo đúng quy hoạch. Nhìn chung, chất lượng nguồn nhân lực đã phần nào được cải thiện.

2.3. Về nhiệm vụ công ích Quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Mặc dù vốn sự nghiệp kinh tế được cân đối hàng năm không đủ nhưng Công ty đã sử dụng có hiệu quả và có những giải pháp tích cực hạn chế được tình trạng xuống

cấp, cải thiện và nâng cao chất lượng một số tuyến đường sắt, tốc độ chạy tàu được giữ vững, cơ bản đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu phục vụ vận tải.

- Công tác kiểm tra trạng thái kỹ thuật chất lượng cầu đường trên các tuyến được tăng cường cùng với việc ứng dụng một số công nghệ mới đã giữ vững Công lệnh tốc độ, Công lệnh Tải trọng và đảm bảo ATGT đường sắt.

- Ứng dụng cơ giới hóa và công nghệ tự động vào công tác quản lý đường ngang thay dần thế cho các đường ngang chắn thủ công hiện nay.

2.4. Về sản xuất ngoài công ích.

- Đã chỉ đạo huy động mọi nguồn lực của Công ty để tích cực tìm kiếm được các công trình ngoài công ích với doanh thu đạt 48,808 tỷ đồng, tăng 2,1% so với kế hoạch, góp phần nâng cao thu nhập cho người lao động và mang lại lợi nhuận chủ yếu của Công ty.

2.5. Về hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, công tác tổ chức thực hiện kế hoạch và công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm.

- Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, phân biệt triệt để và tăng cường kiểm tra giám sát lấy hiệu quả kinh doanh làm tiêu chuẩn để đánh giá doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản; công tác quản lý tài chính trong năm ổn định, luôn đảm bảo khả năng thanh toán. Các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt, có hiệu quả, đáp ứng đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch được triển khai kịp thời, công khai, đảm bảo tính tập trung thống nhất. Việc xây dựng cơ chế, quy chế có những thay đổi căn bản đảm bảo phù hợp với thực tế, đúng quy định của pháp luật.

- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; Dự toán chi năm 2018; Phương án tác nghiệp kỹ thuật năm 2018; Kế hoạch tài chính năm 2018.

- Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thuộc Công ty thực hiện tốt các chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra tại các đơn vị; giám sát, kiểm tra công tác thi công xây dựng công trình, công tác lao động, tiền lương.

3. Đánh giá về kết quả hoạt động của Ban Giám đốc.

- Các tuyến đường sắt do Công ty quản lý đều được xây dựng cách đây 100 năm nên đã xuống cấp nghiêm trọng nhưng chưa được đầu tư, nâng cấp, cải tạo kịp thời. Đặc biệt phổ biến các tuyến đường sắt chạy xuyên các khu đô thị và rất nhiều đoạn đường sắt chạy song song và liền kề đường bộ đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành sản xuất của Ban GD.

- Trước khó khăn nêu trên, Ban Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực trong điều hành SXKD, sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng; nỗ lực cùng HĐQT tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Các thành viên Ban Giám đốc đều là các nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo trì Kết cấu hạ tầng đường sắt và công tác chỉ đạo thi công các công trình ngoài công ích.

- Dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty đạt kết quả tốt, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty ĐSVN đặt hàng và kế hoạch của Hội đồng quản trị phê duyệt. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và khoa học, qua đó tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm đã được hoàn thành.

4. Đánh giá về những khó khăn và tồn tại chủ yếu

Mặc dù đạt được kết quả kể trên việc thực hiện kế hoạch năm 2018 vẫn còn có những khó khăn, tồn tại trên một số mặt sau:

4.1. Khó khăn:

- Kết cấu hạ tầng đường sắt vẫn còn lạc hậu, nguồn vốn Nhà nước giao chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cũng như công tác bảo trì nên rất khó khăn trong việc duy trì trạng thái KCHTĐS hiện có.

- Việc giảm các nguồn vốn cho đầu tư XDCB của Nhà nước nên rất ít các dự án, công trình sửa chữa lớn KCHTĐS được triển khai dẫn đến việc tìm kiếm công việc ngoài sản phẩm công ích rất khó khăn.

- Lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến các chi phí cho người lao động như tiền lương, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp tăng gây khó khăn cho việc cân đối thu chi của công ty.

- Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty chưa cao, thiếu công nhân lành nghề và cán bộ chuyên nghiệp có trình độ để đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Tình trạng lao động đơn phương chấm dứt HĐLĐ tăng, công tác tuyển dụng lao động khó khăn, tình hình thiếu lao động ở một số đơn vị, đặc biệt là khu vực Hà Nội, công tác điều động lao động từ khu vực Hải Dương, Hải Phòng về khu vực Hà Nội ngày càng khó khăn khi người lao động phải đi làm xa nhà.

- An toàn giao thông đường sắt luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro do kết cấu hạ tầng đường sắt xuống cấp chưa được đầu tư, hành lang an toàn giao thông đường sắt bị xâm lấn, mật độ đường ngang và đường dân sinh qua đường sắt nhiều. Những vụ tai nạn, trở ngại do người và phương tiện giao thông đường bộ vi phạm Luật giao thông đường bộ, đường sắt gây ra đã làm thiệt hại nhiều về vật chất và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ của ngành đường sắt.

4.2. Tồn tại:

- Phân cấp quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức chưa thực sự phát huy so với yêu cầu, sự phối hợp trong bộ máy quản lý điều hành có lúc chưa nhịp nhàng.

- Sau CPH đã có sự đổi mới tổ chức và quản trị doanh nghiệp nhưng chưa song hành cùng sự đổi mới về tư duy kinh doanh nên SXKD phát triển chưa

- Tính chủ động, sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong công việc của một số cán bộ, công nhân chưa cao nên một số lĩnh vực chưa có chuyển biến nhiều.

- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chưa có điều kiện để đầu tư đúng mức dẫn đến thiếu hụt người lao động có tay nghề chuyên môn cao.

- Tổng số lao động toàn Công ty còn nhiều, năng suất lao động còn thấp, chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu cao của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là chưa có điều kiện đầu tư máy móc thiết bị cơ giới hóa thi công đồng bộ trong quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

V. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu năm 2019 và các năm tiếp theo.

1. Mục tiêu.

Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng liên tục, bình quân hàng năm sản lượng và doanh thu tăng từ 4% trở lên, tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ tăng từ 13,6% trở lên, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước; cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tăng 5% trở lên, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông. Toàn Công ty thực hiện phương châm kinh doanh theo tiêu chí “**An toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả**”.

2. Nhiệm vụ chủ yếu.

- Tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sửa chữa bảo trì và tham gia kinh doanh hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt hiện tại; Đẩy mạnh việc phát triển các dịch vụ ngoài công ích.

- Đảm bảo không để xảy ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan, không để xảy ra tai nạn lao động nặng, chết người do chủ quan. Sự cố, tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan giảm 5% so với năm 2018, phấn đấu giảm tỷ lệ xóc lắc trên các tuyến đường sắt theo tiêu chí tiêu của Tổng công ty ĐSVN giao.

- Tham gia phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt theo hướng tập trung ưu tiên nâng cấp, hiện đại hoá, tích cực tham gia đẩy mạnh công tác xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng đường sắt.

- Xây dựng, bổ sung, hoàn thiện, đổi mới các cơ chế, quy chế quản lý nội bộ của Công ty nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác quản lý tạo động lực phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện văn hóa doanh nghiệp theo hướng văn minh, hiện đại...

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua việc tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực hiện có; tuyển dụng, thu hút lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, tay nghề cao. Đẩy mạnh ứng dụng Khoa học - Công nghệ vào quá trình quản trị doanh nghiệp và SXKD.

VI. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
------------	------------------	------------------	--------------------------	----------------

1	Lê Hữu Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.527	Từ ngày 01/01/ đến 07/11/2018
2	Nguyễn Văn Hải	Phụ trách HĐQT	0	Từ ngày 08/11/ đến nay
3	Nguyễn Quốc Vượng	Thành viên HĐQT - Giám đốc	109.274	
4	Nguyễn Quang Long	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc	79.060	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2018 HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, ban hành 09 Nghị quyết và các Kết luận thống nhất của cuộc họp để thông qua các nội dung chính như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, dự toán chi, các quy định, quy chế....

- Quyết định một số nội dung liên quan đến tổ chức, sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty

- Phối hợp chặt chẽ với Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty

- Về cơ bản các Nghị quyết và Kết luận của HĐQT đã được thực hiện nghiêm túc xong vẫn còn một số nội dung các phòng chưa hoàn thành, chủ yếu là các nội dung về hệ thống quản trị doanh nghiệp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

+ Nguyễn Quốc Vượng – Thành viên HĐQT

+ Nguyễn Quang Long – Thành viên HĐQT

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Thị Ngái	Trưởng ban	2.251
2	Nguyễn Văn Cường	Thành viên	0
3	Trịnh Thị Diệu Quỳnh	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp do Hội đồng quản trị chủ trì và các cuộc họp giao ban sản xuất do Giám đốc chủ trì. Sau các cuộc họp do Hội đồng quản trị và Ban giám đốc chủ trì, Ban Kiểm soát đều ngồi lại họp hội ý thống nhất và phân công

nhiệm vụ hợp lý cho từng thành viên trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban theo từng quý phù hợp với quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần. Các thành viên của Ban căn cứ các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị, thường xuyên phối hợp, đóng góp và đề xuất ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của xã hội, Công ty và các Cổ đông.

Kết quả hoạt động cụ thể:

- Ban Kiểm soát cùng tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các qui chế quản lý, qui định, qui trình, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận cho phù hợp với yêu cầu và mô hình mới của Công ty Cổ phần.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018 của Hội đồng quản trị, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, và các văn bản của Tổng Công ty ĐSVN, báo cáo kết quả công tác điều hành của lãnh đạo Công ty. Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả SXKD năm 2018 của Ban giám đốc Công ty. Xây dựng và lập Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
- Cập nhật xem xét tiến độ thực hiện các hợp đồng có giá trị lớn: Mua Vật tư, Đấu thầu mua MMTB thuộc nguồn vốn Khấu hao cơ bản năm 2016, 2017, 2018.
- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ thực hiện các nội dung của các qui chế: Quản lý tài chính, quản lý nhân sự và chính sách tiền lương, tiền thưởng v.v..., giám sát việc lập và thực hiện Kế hoạch SXKD 2018, Dự toán chi 2018, Quyết toán chi 2017, Kế hoạch tài chính 2018...
- Xem xét việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo qui định của pháp luật và của cấp trên về Thuế, BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, trích nộp cấp trên và chi trả cổ tức cho các cổ đông vv...
- Kiểm tra đánh giá tính hợp lý từng vấn đề cụ thể liên quan đến các số liệu, các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính quý, 6 tháng năm 2018 của các XN chi nhánh và của Công ty.
- Kiểm soát việc phân chia lợi nhuận năm 2017 và 2018, việc chi trả cổ tức 2017 cho các cổ đông và sử dụng các quỹ trong các năm tương ứng.
- Báo cáo một số chỉ tiêu hoạt động SXKD theo yêu cầu của các cấp quản lý theo Điều lệ của Công ty định kỳ 6 tháng và năm đúng tiến độ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản lợi ích	Thù lao
1	Lê Hữu Hưng	Chủ tịch HĐQT	230	
2	Nguyễn Văn Hải	Phụ trách HĐQT	26	
3	Nguyễn Quốc Vương	TVHĐQT - Giám đốc		

4	Nguyễn Quang Long	TVHĐQT - Phó giám đốc	222,8	7,2
5	Nguyễn Như Điền	Phó Giám đốc	217	
6	Nguyễn Hoài Trung	Phó Giám đốc	214	
7	Nguyễn Thị Ngải	Trưởng Ban KS	202	
8	Nguyễn Văn Cương	Thành viên Ban KS	102	6,0
9	Trịnh Thị Diệu Quỳnh	Thành viên Ban KS	73	6,0

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có phát sinh.*

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.*

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty dựa theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nội quy, Quy chế nội bộ của Công ty.

VII. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán.

"Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán BDO là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính và đã được Tổng công ty ĐSVN chấp thuận tại văn bản số 3653/ĐS-KSNB ngày 02/11/2018.

- Kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 đã được hoàn tất mà không có nội dung ngoại trừ và điều chỉnh các nghiệp vụ sai sót trọng yếu.

- Báo cáo tài chính phát hành ngày 28/3/2019 gồm:

a) *Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018:*

Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A-Tài sản ngắn hạn	100		67.285.674.586	67.121.623.517
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.756.506.899	6.008.564.308
1. Tiền	111	V1	2.756.506.899	5.731.564.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	277.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.476.984.130	1.970.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			

2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2b	5.476.984.130	1.970.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.698.919.694	48.739.186.237
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V3	49.457.792.887	46.118.461.699
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		83.305.200	129.942.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V4	3.157.821.607	2.490.781.738
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V5	0	0
IV- Hàng tồn kho	140		6.213.247.045	10.403.872.972
1. Hàng tồn kho	141	V7a	6.213.247.045	10.403.872.972
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		140.016.818	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V13	140.016.818	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V17	0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V14a	0	0
B-Tài sản dài hạn	200		6.063.222.399	5.754.101.443
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0

II- Tài sản cố định	220		5.869.734.967	5.168.963.957
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V9	5.869.734.967	5.168.963.957
- Nguyên giá	222		18.945.075.340	17.020.209.323
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-13.075.340.373	-11.851.245.366
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	0	0
- Nguyên giá	228		47.000.000	47.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-47.000.000	-47.000.000
III- Bất động sản đầu tư	230	V12	0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V8a	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V8b	0	0
V-Đầu tư tài chính dài hạn	250	V2c	50.091.990	50.091.990
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.091.990	50.091.990
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI- Tài sản dài hạn khác	260		143.395.442	535.045.496
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V13	143.395.442	535.045.496
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	V14b	0	0
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		73.348.896.985	72.875.724.960
C-Nợ phải trả	300		58.666.456.307	58.539.284.282
I- Nợ ngắn hạn	310		58.666.456.307	58.539.284.282
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V16a	35.812.218.020	35.500.540.750

2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		154.395.000	2.610.350.362
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V17	4.505.112.008	3.506.429.191
4. Phải trả người lao động	314		5.576.189.729	6.355.085.793
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V18a	33.088.483	25.137.451
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V20a	0	0
9. Các khoản phải trả ngắn hạn	319	V19a	7.445.258.876	10.294.210.586
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V15	4.435.053.337	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V23a	80.134.813	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		625.005.960	247.527.140
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II- Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V18b	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V20b	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	V19b	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V21	0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V24	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V23b	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D-Vốn chủ sở hữu	400		14.682.440.678	14.336.440.678
I- Vốn chủ sở hữu	410	V25	14.682.440.678	14.336.440.678
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.800.000.000	13.800.000.000

- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.800.000.000	13.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		594.125.941	248.125.941
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		288.314.737	288.314.737
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		0	0
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		0	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II - Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431	V28	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		73.348.896.985	72.875.724.960

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	179.085.686.671	160.066.771.710
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		179.085.686.671	160.066.771.710
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	159.037.635.041	144.697.962.718
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.048.051.630	15.368.808.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	393.935.681	385.934.343
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	77.937.772	3.433.012
.- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		77.937.772	3.433.012

8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	16.150.762.428	13.545.379.576
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.213.287.111	2.205.930.747
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.272.728	724.909.089
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.328.903.321	834.728.930
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.321.630.593)	(109.819.841)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.891.656.518	2.096.110.906
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	852.852.510	441.937.967
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.038.804.008	1.654.172.939
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,141	1,019
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Từ ngày 01/01/2018 Đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		182.518.890.796	175.255.080.268
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(67.381.228.471)	(68.971.909.218)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(20.807.311.180)	(75.799.673.205)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(71.645.834)	(3.433.012)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(467.456.918)	(607.976.069)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7.048.979.688	8.544.779.302
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(104.226.508.340)	(34.546.518.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.386.280.259)	3.870.349.541
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(67.506.202.730)	(1.970.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.000.218.600	

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		335.607.003	377.552.082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.171.377.127)	(1.592.447.918)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		21.696.404.829	2.385.082.113
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.261.351.492)	(2.385.082.113)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.129.453.360)	(984.064.881)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.305.599.977	(984.064.881)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(3.252.057.409)	1.293.836.742
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.008.564.308	4.714.727.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		2.756.506.899	6.008.564.308

Toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán và được đăng tải trên website của Công ty <http://www.duongsthaihai.vn/> và được gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Vương